TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/HS-ST
Ngày: 15 – 4 – 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Viết Tuấn.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thiện Tiến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Võ Thanh Kim L, sinh năm: 1983, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Số F D, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số A Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh L1 và bà Đặng Kim M; có chồng tên Phạm Lâm V (cũng là bị cáo trong cùng vụ án) và có 01 con (sinh năm: 2014); tiền án: Không; tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 08/11/2023 đến nay. (Có mặt).

2. Phạm Lâm V, sinh năm: 1986, tại: Cần Thơ; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Số F D, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số A Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Đặng Thị B; có vợ tên Võ Thanh Kim L (cũng là bị cáo trong cùng vụ án) và có 01 con (sinh năm: 2014); tiền án: Không; tiền sự: Không.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 08/11/2023 đến nay. (Có mặt).

**** Người bào chữa của các bị cáo:***

1. Ông Lê Thành T, sinh năm: 1979;

2. Ông Tạ Quốc D, sinh năm: 1995;

Cùng là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H và hiện là Luật sư của Công ty L4 (địa chỉ trụ sở: Tầng trệt, số B đường số G, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Ông Tạ Quốc D vắng mặt và ông Lê Thành T có mặt khi xét xử, nhưng vắng mặt khi tuyên án).

**** Bị hại:*** Chị Võ Phan Trúc P, sinh năm: 1998; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Số G ấp K, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở: Số B đường số D, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). (Có mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Ông Trần Ngọc S, sinh năm: 1950; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Số B N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số F D, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Kim L2, sinh năm: 1972; nơi cư trú: Số B A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Ngọc Thùy D1, sinh năm: 1990; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Số A lầu E C, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số A N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh). (Vắng mặt).

4. Công ty cổ phần L5, địa chỉ trụ sở: Số A Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có người đại diện theo pháp luật là bà Võ Thanh Kim L (cũng là bị cáo trong vụ án); sinh năm: 1983; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Số F D, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số A Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) – Là Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Có mặt).

5. Bà Võ Thanh Kim L (cũng là bị cáo trong vụ án), sinh năm: 1983; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Số F D, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số A Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). (Có mặt).

6. Ông Phạm Lâm V (cũng là bị cáo trong vụ án), sinh năm: 1986; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Số F D, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số A Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thanh Kim L cùng chồng là Phạm Lâm V kinh doanh mỹ phẩm và thành lập Công ty cổ phần L5 PHÉNIX do Võ Thanh Kim L đứng tên trên giấy phép kinh doanh và đặt trụ sở tại số A Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình kinh doanh, L và V có quen biết với chị Võ Phan Trúc P. Chị P có mở một mini Spa tại căn hộ A23.02 Diamond Riverside, số A V, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào khoảng tháng 3 năm 2023, L và V có hợp tác làm ăn buôn bán mỹ phẩm với chị P. Theo thỏa thuận, chị P lấy hàng là mỹ phẩm từ công ty của L do L giao trước, chị P sẽ trả tiền sau và dựa trên danh sách hàng bán ra sẽ tính phần trăm (%) hoa hồng với chị P. Quá trình hợp tác với nhau, L, V và chị P xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tiền chiết khấu, tổng số tiền hàng L đã giao cho chị P là khoảng 28.600.000 (hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng. L và V yêu cầu chị P phải trả lại hàng. Chị P cho rằng hàng đã bán cho khách, do chiết khấu không rõ nên chị P không tính được tiền và không trả lại hàng cho L được. Chị P còn yêu cầu trừ các khoản tiền chi phí khác vào tiền hàng nên giữa L, V và chị P xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau. V có đến chung cư của chị P để đòi lại số hàng đã giao nhưng chị P không đồng ý trả.

Do không giải quyết được mâu thuẫn về chuyện tiền bạc giữa hai bên nên L và V qua nhà chị P để nói chuyện trực tiếp. Do chung cư của chị P phải có thẻ từ của cư dân tại đây mới vào được nên L có nhờ bà Nguyễn Ngọc Thùy D1 (bạn làm chung với chị P trước kia) giúp L bằng cách khi L đến chung cư thì nhờ bà D1 quẹt thẻ đưa L lên chung cư để L nói chuyện với chị P thì bà D1 đồng ý. Đến khoảng 12 giờ, ngày 03/11/2023, tại trụ sở công ty, L nói V chở L đến chỗ ở của chị P để đòi tiền và hàng thì V đồng ý và gọi cho T1 (là em bà con xa của V, không rõ lai lịch, đã bỏ trốn) đi cùng để tới phụ giúp chở hàng và nếu có xảy ra đánh nhau thì T1 sẽ giúp và được T1 đồng ý, Sau đó, Trường Đ (không rõ biển số), V điều khiển xe gắn máy loại Honda Dream, biển số 50A3-4521 chở L, cả 03 người cùng đi đến tìm chị P giải quyết số tiền hàng nêu trên. Khi đến chung cư, L gọi bà D1 đến, cả 04 người cùng vào thang máy để lên căn hộ số A23.02 của chung cư. Khi đến nơi, bà D1 chỉ căn hộ của chị P cho nhóm của L rồi bà D1 bỏ về trước còn L, V và T1 ở lại. Do cửa nhà không khóa nên L mở cửa đi vào trong thì thấy chị P đang nằm trên ghế sofa tại phòng khách, điện thoại di động của chị P để trên bàn. Khi thấy chị P cầm điện thoại trên tay thì L xông đến giật điện thoại di động của chị P, chị P giằng co với L. L nói T1 phụ L giữ điện thoại của chị P để chị P không gọi được người khác đến. T1 phụ L giật lấy điện thoại của chị P, T1 giật được và giữ điện thoại này. Sau đó, L và chị P ngồi nói chuyện tại phòng khách, L yêu cầu chị P trả tiền hàng nhưng chị P không trả. L tức giận dùng tay đánh vào mặt của chị P 01 cái, chị P la lên thì bà Nguyễn Thị Ánh L3 (người làm việc cho chị P và ở chung nhà với chị P) trong phòng chạy ra. L yêu cầu bà L3 đi ra khỏi nhà, nếu bà L3 ở lại thì phải chịu trách nhiệm cùng chị P. Do lo sợ nên chị P không đồng ý, nói bà L3 ở lại căn hộ cùng chị P. Sau đó, L tiếp tục yêu cầu chị P trả số tiền hàng mỹ phẩm còn nợ nhưng chị P nói không có tiền trả; L tiếp tục dùng tay đánh chị P 02 đến 03 cái vào mặt thì được bà L3 can ngăn và ôm chị P lại. L quay sang thấy 01 túi xách màu cam của chị P nằm sau lưng ghế sofa, L đổ toàn bộ đồ vật trong túi này ra, nói với V và T1 tìm căn cước công dân của chị P. V tìm thấy thì L nói V chụp hình và giữ căn cước này. L tiếp tục yêu cầu chị P trả tiền nhưng chị P nói không có tiền, trong nhà không còn mỹ phẩm nào của L. L nói không có hàng của L thì L lấy sản phẩm của chị P trả lại cho khách. Lúc này, L cầm túi xách đi vào phòng Spa trong căn hộ của chị P định lấy máy móc thiết bị, nhưng không lấy. Sau đó L quay trở ra rồi lại quay vào phòng S1 lấy các mỹ phẩm của chị P đặt trong tủ, trên kệ bỏ vào túi màu cam gồm: 09 chai mỹ phẩm Viba, dung tích 250ml; 01 chai Peel hiệu Isov, dung tích 300ml; 05 chai mỹ phẩm Viba, dung tích 100ml; 02 ống tinh chất Isove, dung tích 5ml; 01 hủ mặt nạ Isove dưỡng ẩm, dung tích 200ml; 01 hũ mặt

nạ Isov dưỡng trắng, dung tích 200ml; 01 chai kem massage Collagen, dung tích 01 lít; 02 chai serum hiệu Dr Innoderm, dung tích 30ml; 09 ống tinh chất tế bào gốc Dr Innoderm, dung tích 5.5ml. Sau đó, L quay trở lại phòng khách. Tại đây, L còn lấy 01 Laptop Macbook Air của chị P đang để trên bàn tại phòng khách bỏ vào túi xách. L đưa túi xách cho V cầm. Chị P có nói L đưa điện thoại cho V để liên hệ người nhà chị P trả tiền cho L nhưng L không đồng ý. Sau đó, L, V và T1 đi về công ty. Sau sự việc trên, chị P và bà L3 đến Công an P1, Quận H trình báo sự việc. Chị P không yêu cầu giám định thương tích và chỉ yêu cầu bồi thường và xử lý các đối tượng theo quy định của pháp luật.

Khi về đến công ty, T1 đưa điện thoại của chị P cho V, V lấy laptop Macbook Air trong túi xách ra để trên giường tại công ty. Sau đó, V nói T1 đặt xe ôm công nghệ đem điện thoại trả lại cho chị P thì T1 đồng ý. V đóng gói điện thoại của chị P đưa cho T1 rồi T1 giữ điện thoại, đi tìm xe nhờ gửi điện thoại về lại cho chị P. L nhờ em ruột là Võ Kim N giữ giúp chiếc máy tính Macbook Air, bên trong có 01 căn cước công dân của chị Võ Phan Trúc P. L không nói cho N biết đây là tài sản do L phạm tội mà có.

Đến khoảng 16 giờ, ngày 03/11/2023, T1 gặp anh Phan Duy D2 (tài xế chạy xe công nghệ) tại trước số D đường V, phường V, xã T, tỉnh Bình Dương. T1 thuê anh D2 giao điện thoại nêu trên (được bỏ vào trong hộp) cho bà L3 với giá 200.000 đồng. T1 gọi cho bà L3, anh D2 cũng gọi cho bà L3 để xác nhận đơn giao hàng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày 03/11/2023, anh D2 giao chiếc điện thoại trên đến chung cư D thuộc Phường A, Quận H thì bị Công an P1, Quận H mời về làm việc.

Tiếp đó, Võ Thanh Kim L, Phạm Lâm V, Nguyễn Ngọc Thùy D1, Võ Kim N được mời đến Cơ quan điều tra để làm việc. Riêng đối tượng T1 đã bỏ trốn.

Tại Cơ quan điều tra, Võ Thanh Kim L, Phạm Lâm V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Nguyễn Ngọc Thùy D1 không biết mục đích và hành vi phạm tội của các bị can; Võ Kim N giao nộp 01 laptop Macbook Air và căn cước công dân của chị P và N không biết tài sản do L phạm tội mà có.

Ngày 20/11/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Quận H có kết luận số 219/KL-HĐĐGTS như sau:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus, dung lượng 64GB, màu hồng, qua khảo sát thực tế tài sản có giá là 4.000.000 đồng;

- 01 Laptop Macbook Air, màu hồng, bộ nhớ 8GB, model A2179, số seri: C02DG810MNHR bộ xử lý: 1,1 Ghz Intel C i3 lõi kép, qua khảo sát thực tế tài sản có giá là 10.500.000 đồng.

Ngày 15/5/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Quận H có kết luận số 40/KL-HĐĐGTS như sau:

- 01 túi xách màu cam, không nhãn hiệu, kích thước 50x40x12cm có giá trị là 136.270 đồng;

- 09 chai mỹ phẩm khoáng tươi Viba dung tích 250ml, còn nguyên 100%, chưa qua sử dụng có giá trị là 290.000 đồng/chai x 9 chai = 2.610.000 đồng;

- 01 chai Meso Peel CL4 hiệu Isov dung tích 300ml, còn nguyên 100%, chưa qua sử dụng có giá trị là 3.250.000 đồng;

- 05 chai mỹ phẩm khoáng tươi Viba dung tích 100ml còn nguyên 100%, chưa qua sử dụng, có giá trị là 175.000 đồng/chai x 5 chai = 875.000 đồng;

- 02 ống tinh chất Brightening Fills Isov dung tích 5ml còn nguyên 100%, chưa qua sử dụng, có giá trị là 182.000 đồng/ống x 2 ống = 364.000 đồng;

- 01 hũ mặt nạ Meso Hydro Mask Isov dưỡng ẩm, dung tích 200ml còn nguyên 100%, chưa qua sử dụng, có giá trị là 780.000 đồng;

- 01 hũ mặt nạ Brightening Mask Isov dưỡng trắng, dung tích 200ml còn nguyên 100%, chưa qua sử dụng, có giá trị là 637.000 đồng;

- 01 chai kem Dr.Innoderm Collagen massage dung tích 01 lít còn nguyên 100%, chưa qua sử dụng, có giá trị là 1.200.000 đồng;

- 02 chai serum hiệu Dr Innoderm AC Anti Spot dung tích 30ml còn nguyên 100%, chưa qua sử dụng, có giá trị là 540.000 đồng;

- 09 ống tinh chất tế bào gốc Dr.I dung tích 5.5ml còn nguyên 100%, chưa qua sử dụng, có giá trị là 198.000 đồng x 02 chai = 1.782.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản chị Võ Phan Trúc P bị chiếm đoạt là 26.674.270 (hai mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi) đồng.

Tài liệu, vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 USB lưu giữ hình ảnh các bị cáo đến chung cư và đến nhà của chị Võ Phan Trúc P;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max thu giữ của Phạm Lâm V;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max thu giữ của Võ Thanh Kim L;

- 01 xe gắn máy, biển số 50A3–4521, số khung: C100M-0269232, số máy: C100ME-0269232. Qua xác minh do ông Trần Ngọc S đứng tên sở hữu. Năm 2023, ông S bán lại xe trên cho Võ Thanh Kim L với giá 7.000.000 đồng;

- 01 thẻ từ chung cư thu giữ của bà Nguyễn Ngọc Thùy D1;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max thu giữ của bà Nguyễn Ngọc Thùy D1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà D1;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu hồng, thu giữ của anh Phan Duy D2 (đây là tài sản của chị P đã bị L cùng đồng phạm chiếm đoạt và anh D2 được thuê giao hàng trả lại cho chị P, nhưng anh D2 chưa giao được thì đã bị Công an P1, Quận H phát hiện tạm giữ); Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị P;

- 01 Laptop M, 01 căn cước công dân mang tên Võ Phan Trúc P và những mỹ phẩm đã thu giữ là tài sản hợp pháp của chị Võ Phan Trúc P; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị P.

Trách nhiệm dân sự: Giai đoạn điều tra, chị Võ Phan Trúc P yêu cầu bồi thường số tiền 70.000.000 đồng; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, gia đình các bị cáo và chị P đã thỏa thuận số tiền bồi thường là 30.000.000 đồng và tại tòa, chị P xác nhận đã nhận được số tiền bồi thường là 30.000.000 đồng; ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì thêm.

* Bản cáo trạng số 178/CT-VKS-Q8 ngày 08/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo: Võ Thanh Kim Linh, Phạm Lâm V về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo: Võ Thanh Kim L, Phạm Lâm V và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt:

1/ Bị cáo Võ Thanh Kim L mức án từ 05 (năm) năm tù đến 06 (sáu) năm tù;

- Bị cáo Phạm Lâm V mức án từ 04 (bốn) năm tù đến 05 (năm) năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo (Võ Thanh Kim L, Phạm Lâm V).

- Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

+ Trả lại 01 thẻ từ chung cư cho bà Nguyễn Ngọc Thùy D1 (vì không có liên quan đến vụ án).

+ Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án 01 USB lưu giữ hình ảnh có liên quan đến vụ án.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe gắn máy, biển số 50A3 – 4521, số khung: C100M-0269232, số máy: C100ME-0269232 (vì dùng vào việc phạm tội).

+ Trả lại cho bị cáo Võ Thanh Kim L 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max (vì không có liên quan đến vụ án).

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max của Phạm Lâm V (vì dùng vào việc phạm tội).

* Người bào chữa cho các bị cáo Võ Thanh Kim L và Phạm Lâm V thống nhất với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 về tội danh, điều luật, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; nên không tranh luận. Ngoài ra, người bào chữa còn phân tích thêm về hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, nguyên nhân dẫn đến việc các bị cáo phạm tội. Từ đó người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét toàn bộ diễn biến của vụ án và có một phán quyết phù hợp, xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức an mà Kiểm sát viên đề nghị đối với

các bị cáo. Đồng thời, người bào chữa còn đề nghị Kiểm sát viên xem xét áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo (vì các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo Phạm Lâm V hưởng án treo (vì bị cáo có nơi cư trú hợp pháp và để bị cáo được về chăm sóc con gái 11 tuổi đang độ tuổi đi học và hiện nay đang ở với ông, bà ngoại; cũng như việc bị cáo V chăm sóc cha mẹ già yếu).

* Kiểm sát viên đối đáp và tranh luận với người bào chữa: Đại diện Viện kiểm sát đã xem xét toàn bộ nội dung vụ án một cách toàn diện và đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm đối với các bị cáo, nên mức án đề nghị là phù hợp và và không đồng ý áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo (vì các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng, còn việc có áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) hay không là do Hội đồng xét xử quyết định; không đồng ý áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo Phạm Lâm V hưởng án treo theo đề nghị của Luật sư (vì bị cáo V phạm tội thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng, nên cần xét xử thật nghiêm để răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm trong xã hội). Vì vậy, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, luận tội và mức án đề nghị đối với bị cáo Võ Thanh Kim L và bị cáo Phạm Lâm V.

* Người bào chữa cho các bị cáo (Võ Thanh Kim L, Phạm Lâm V) vẫn bảo lưu quan điểm tranh luận, bào chữa như nêu trên.

* Các bị cáo: Võ Thanh Kim L, Phạm Lâm V cùng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện và thống nhất với ý kiến của người bào chữa như nêu trên; các bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung, không bào chữa bổ sung mà chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt để được sớm về với gia đình, chăm sóc con nhỏ và cha mẹ già yếu.

* Bị hại Võ Phan Trúc P: Xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Đồng thời, chị P không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này đối với giao dịch mua bán hàng hóa còn lại số tiền công nợ khoảng 28.600.000 (hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng giữa Công ty L5 PHÉNIX với chị P, chị P và phía Công ty L5 PHÉNIX sẽ tự giải quyết riêng với nhau. Chị P không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Công ty cổ phần L5 (có người đại diện theo pháp luật là bà Võ Thanh Kim L, cũng là bị cáo trong vụ án): Bà Võ Thanh Kim L không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này đối với giao dịch mua bán hàng hóa còn lại số tiền công nợ khoảng 28.600.000 (hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng giữa Công ty L5 PHÉNIX với chị Võ Phan Trúc P, phía Công ty L5 PHÉNIX và chị P sẽ tự giải quyết riêng với nhau. Bà L không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Bà Võ Thanh Kim L và ông Phạm Lâm V (cũng là bị cáo trong vụ án) cùng xác nhận đối với số hàng hóa mỹ phẩm mà Công ty cổ phần L5 đã giao cho chị Võ Phan Trúc P và chị P chưa thanh toán số tiền công nợ khoảng 28.600.000 (hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng là tài sản chung của vợ chồng giữa bà L và ông V. Bà L và ông V không có

tranh chấp trong vụ án này và sẽ cùng chị P tự giải quyết riêng với nhau. Bà L và ông V không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bào chữa cho các bị cáo: Võ Thanh Kim L, Phạm Lâm V là ông Tạ Quốc D và ông Lê Thành T, cùng là Luật sư của Công ty L6 Luật. Ông Tạ Quốc D vắng mặt vì có công việc riêng đột xuất nên không tham gia phiên tòa và ông Lê Thành T có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo: Võ Thanh Kim L, Phạm Lâm V cùng luật sư Lê Thành T thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Tạ Quốc D (vì việc vắng mặt của ông Tạ Quốc D không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo, do đã có ông Lê Thành T tham gia bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa).

Xét thấy lời đề nghị của các bị cáo (Võ Thanh Kim L, Phạm Lâm V) cùng người bào chữa (Luật sư ông Lê Thành T) là phù hợp theo quy định của pháp luật; vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa, cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi và quyết định của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thanh Kim L và bị cáo Phạm Lâm V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo cùng đồng phạm đã thực hiện vào ngày 03/11/2023, tại căn hộ A (số A V, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh) là nơi cư trú của bị hại Võ Phan Trúc P.

Xét lời khai nhận của bị cáo Võ Thanh Kim L và bị cáo Phạm Lâm V phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đồng thời phù hợp với lời khai tại phiên tòa của các bị cáo cùng bị hại Võ Phan Trúc P.

Xét thấy trong quá trình bị cáo Võ Thanh Kim L và đồng phạm chiếm đoạt tài sản của bị hại Võ Phan Trúc P thì giữa bị cáo L và bị hại có sự giằng co qua lại một cách rất quyết liệt và bị cáo L đã sử dụng vũ lực để làm bị hại P hoảng sợ, không dám kháng cự đối với bị cáo và các đồng phạm khác cho đến khi bị cáo cùng đồng phạm thực hiện xong hành vi chiếm đoạt tài sản và nhanh chóng rời khỏi hiện trường.

Đồng thời, tài sản mà các bị cáo (Võ Thanh Kim L, Phạm Lâm V) cùng đồng phạm khác (đối tượng tên T1, không rõ lai lịch, hiện đã bỏ trốn) chiếm đoạt của bị hại P có trị giá là 26.674.270 đồng (thuộc trường hợp tài sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng).

Do đó, với hành vi đã thực hiện và với trị giá tài sản bị chiếm đoạt; đã có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo (Võ Thanh Kim L, Phạm Lâm V) đã phạm vào tội "Cướp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Xét thấy, mặc dù chỉ là phát sinh nhỏ trong giao dịch hợp tác kinh doanh mua bán hàng hóa với nhau nhưng các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo, liều lĩnh và rất ngang nhiên tại nơi cộng đồng dân cư sinh sống đông đúc, bất chấp hậu quả xảy ra, mặc dù đã được người khác kịp thời can ngăn ngay khi nhóm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; qua đó thể hiện thái độ xem thường pháp luật của các bị cáo và tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và đã tác động, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, cũng như tạo ra tâm lý bất an của người khác, gây mất an ninh trật tự xã hội được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xét xử thật nghiêm khắc, cần phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định để các bị cáo nhận thức được một cách toàn diện và đầy đủ hành vi sai phạm và sửa chữa, tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu thành công dân sống có ích cho xã hội, tôn trọng và chấp hành pháp luật, cũng như các quy tắc ứng xử trong cuộc sống, xã hội.

[5] Về tính đồng phạm: Trong vụ án này, bị cáo Võ Thanh Kim L giữ vai trò chính, bị cáo Phạm Lâm V và đối tượng tên T1 (không rõ lai lịch, hiện đã bỏ trốn) với vai trò giúp sức tích cực; nên Hội đồng xét xử cần cân nhắc về tính chất, mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo theo quy định tại Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo cho tương xứng và phù hợp.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra. Sau khi phạm tội đã tác động đến gia đình bồi thường cho bị hại; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại; tại phiên tòa, bị hại P xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; cậu ruột của bị cáo Phạm Lâm V là người có công đối với đất nước; bị cáo Võ Thanh Kim L có nhiều đóng góp cho sự phát triển của xã hội (được tặng Bằng khen, Giấy khen, Giấy chứng nhận, v.v...). Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần về hình phạt theo quy định tại các điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[8] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Võ Thanh Kim L và bị cáo Phạm Lâm V, cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có cơ sở pháp luật. Tuy nhiên, mức án mà Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc.

[9] Ý kiến của người bào chữa của các bị cáo, cũng như ý kiến của các bị cáo về việc đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là có cơ sở pháp luật. Đối với đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo; đồng thời áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo V và cho bị cáo V hưởng án treo là không có căn cứ để được chấp nhận, như Hội đồng xét xử đã phân tích nêu trên;

[10] Lập luận trên đây cũng là để chấp nhận quan điểm luận tội và một phần lời đề nghị của Kiểm sát viên, cũng như chấp nhận một phần quan điểm tranh luận, bào chữa của người bào chữa cùng ý kiến của các bị cáo về việc giảm nhẹ một phần hình phạt tù.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung một số tiền nhất định từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của các bị cáo thì hiện tại các bị cáo không có tài sản, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành; nên miễn phần hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho các bị cáo.

[12] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã nhận bồi thường số tiền 30.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác, nên ghi nhận.

- Đối với giao dịch mua bán hàng hóa còn lại số tiền công nợ khoảng 28.600.000 (hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng giữa Công ty L5 PHÉNIX với chị Võ Phan Trúc P: Tại tòa, các bên xác định sẽ tự giải quyết riêng với nhau, không có yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Về xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật bị tạm giữ:

- Các vật chứng, tài sản khác (đã bị tạm giữ, đã được thu hồi) đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- 01 thẻ từ chung cư là của bà Nguyễn Ngọc Thùy D1 và không có liên quan đến vụ án, nên cần trả lại bà D1.

- 01 xe gắn máy, biển số 50A3–4521, số khung: C100M-0269232, số máy: C100ME-0269232 là tài sản hợp pháp của bị cáo L và đã dùng vào việc phạm tội, hiện có giá trị sử dụng; nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 USB bên trong chứa dữ liệu hình ảnh có liên quan đến vụ án, nên cần tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max là tài sản hợp pháp của bị cáo Phạm Lâm V và có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo V, nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max là tài sản hợp pháp của bị cáo Võ Thanh Kim L và không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo L, nên trả lại cho bị cáo L.

[14] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Võ Thanh Kim L và bị cáo Phạm Lâm V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Đối với Phan Duy D2, Nguyễn Ngọc Thùy D1, Võ Kim N: Quá trình điều tra xác định không biết và không có liên quan đến vụ án; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q không xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[16] Đối với đối tượng tên T1 (không rõ lai lịch và đã bỏ trốn), ngày 03/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 2446/QĐ-CQCSĐT-HS để xác minh, điều tra về hành vi ‘‘Cướp tài sản’’ của đối tượng T1 theo quy định của pháp luật, là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 291 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Quyết định xét xử vắng mặt ông Tạ Quốc D (là Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Thanh Kim L và bị cáo Phạm Lâm V).

- Căn cứ Khoản 1 Điều 168; các điểm: b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

1/ Bị cáo Võ Thanh Kim L 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2023.

2/ Bị cáo Phạm Lâm V 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung (miễn) đối với bị cáo Võ Thanh Kim L và bị cáo Phạm Lâm V.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bà Võ Phan Trúc P (bị hại trong vụ án) đã nhận số tiền bồi thường thiệt hại từ gia đình của các bị cáo (Võ Thanh Kim L, Phạm Lâm V) là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu và nộp vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xe gắn máy, biển số 50A3 – 4521, số khung: C100M-0269232, số máy: C100ME-0269232; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max.

+ Trả lại 01 (một) thẻ từ chung cư cho bà Nguyễn Ngọc Thùy D1.

+ Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max cho bị cáo Võ Thanh Kim L.

(Theo biên bản giao, nhận tang tài vật lập ngày27/11/2024 và ngày 17/01/2025, tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) USB.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Võ Thanh Kim L, Phạm Lâm V; mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt, có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Trúc

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PV06 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.8, TP.HCM;
- CQCSĐT CATP.HCM;
- CQTHAHS CATP.HCM;
- Phân trại tạm giam khu vực 8 – Trại tạm giam Chí Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.